

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T,
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản số: 213 /2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20/6/2025

Về việc: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Thái và Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Tô Tấn Cường – Cán bộ Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

-Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2025/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2025, về việc: “Xin ly hôn, nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 968/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2025, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Hồ Thị Kim T1, sinh năm 1985, có mặt.

CMND: 241116692

Địa chỉ: Thôn 4, xã H, TP B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn **Nguyễn Ngọc M**, sinh năm 1959, vắng mặt.

CCCD: 052059004314

Địa chỉ: Thôn Trung Thành, xã Phước Lộc, huyện T tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại các bản khai và tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn bà Hồ Thị Kim T1 trình bày: Về quan hệ hôn nhân giữa bà với **Nguyễn Ngọc M** tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, Tp B, tỉnh Đắk Lắk, số 81, ngày 15/9/2006. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng mâu thuẫn, cãi nhau, không tôn trọng nhau. Chồng bà thường

xuyên đi làm xa cả năm mới về, nhưng về là cãi nhau. Đến thời gian cách đây 02 năm thì chồng bà về làm gần nhà thì lại cãi định vị theo dõi, điều đó chứng tỏ ông M không tôn trọng bà. Sau đó ông M thường xuyên chửi bới, có khi đi nhậu về đến đêm ông M vẫn chửi không cho bà ngủ, đến khi sáng ra tiếp tục chửi bới, suốt thời gian dài nên bà không thể chịu đựng nữa. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà mong muốn được ly hôn với ông M. Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung tên là Nguyễn Quốc B1, sinh ngày 08/6/2005, Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 26/9/2010, hiện con đang ở cùng chồng bà. Nay ly hôn các con muốn ở với ai tùy các con. Về tài sản chung: Vợ chồng bà tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra Bà T1 không khai và không yêu cầu gì khác.

*Đối với bị đơn **Nguyễn Ngọc M vắng mặt tại phiên tòa, nhưng** có bản khai ông M trình bày:* Giữa ông với Hồ Thị Kim T1 tự hiểu được gia đình tổ chức lễ cưới, vợ chồng chung sống từ năm 2005, có đăng ký kết hôn ở tại UBND xã H, Tp B, tỉnh Đắk Lắk, ngày 15/9/2006. Quá trình chung sống vợ chồng tự nguyện đến với nhau, bằng tình thương yêu, ông lo lắng chăm sóc và kết nối để Bà T1 có gia đình. Việc ông cài định vị vào xe của vợ là ông sợ mất vợ, ông làm vậy để rồi khi vợ ông đi vào nhà trọ rồi ông ngồi khóc một mình. Thời gian đầu ông đi làm công trình ở xa, lâu cả năm ông về 01 -02 lần. Tuy nhiên thời gian gần đây ông đã làm gần nhà, nhưng vợ chồng cũng không muốn gần gũi, mỗi lần ông muốn chung chăn gối phải quỳ lạy van xin vợ mới cho chồng. Thời gian gần đây Bà T1 đi đâu, làm gì ông đều biết, không lo cơm nước, không cho chồng ngủ cùng, nhưng vì hai con ông, nên ông phải chịu đựng và cam chịu. Nay vợ ông muốn ly hôn thì ông vẫn còn thương vợ nên ông không đồng ý ly hôn. Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung tên là Nguyễn Quốc B1, sinh ngày 08/6/2005, Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 26/9/2010, hiện con đang ở cùng ông. Nay ly hôn các con muốn ở với ai tùy các con, các con ở với ông thì ông không cần hỗ trợ cấp dưỡng. Về tài sản chung: Vợ chồng ông có tài sản chung nhưng không yêu cầu giải quyết, vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra ông M không khai và không yêu cầu gì khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Tòa cho Bà T1 ly hôn ông M. Về quan hệ nuôi con chung: Đề nghị giao con chung của Bà T1 và ông M tên là Nguyễn Quốc B1, sinh ngày 08/6/2005, Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 26/9/2010, cho ông M tiếp tục nuôi dưỡng, là phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ. Về cấp dưỡng: ông M không yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị Tòa không xét. Về tài sản chung: Bà T1 và ông M tự thỏa thuận tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Hồ Thị Kim T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông **Nguyễn Ngọc M** là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là ông **Nguyễn Ngọc M** cư trú tại Thôn Trung Thành, xã Phước Lộc, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông M vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2].1 Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Hồ Thị Kim T1 thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa bà Hồ Thị Kim T1 và ông **Nguyễn Ngọc M** tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn từ năm 2006, có đăng ký kết hôn UBND xã H, Tp B, tỉnh Đắk Lắk, số 81, ngày 15/9/2006, nên hôn nhân giữa Bà T1 và ông M là hợp pháp. Theo Bà T1 khai trong thời gian hôn nhân bà và ông M hầu hết không sống chung vì ông M đi làm xa 01 năm về 01-02 lần, ông M không có trách nhiệm với gia đình, không lo gia đình, có hành động xúc phạm bà T1, ghen tuông, chửi mắng bà, xem thường không tôn trọng bà. Trong khi đó ông M thừa nhận có đi làm xa, nhưng thời gian gần đây ông đã xin về làm gần nhà, còn Bà T1 khai ông không lo cho gia đình là không đúng, ông đi làm gửi tiền về nuôi vợ con. Thời gian gần đây Bà T1 hay đi vào nhà nghỉ, mà ông không thể vào bắt ghen được, vợ chồng không sinh hoạt chung chăn gối. Tất cả những điều trên cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa Bà T1 và ông M ngày càng rạn nứt, không thể hàn gắn được. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa ông M và Bà T1 trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà T1 ly hôn với ông M.

[2].2 Về quan hệ nuôi con chung: Giữa Bà T1 và ông M có 02 con chung tên là Nguyễn Quốc B1, sinh ngày 08/6/2005, Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 26/9/2010, hiện các con đang ở cùng ông M. Nay ly hôn ông M mong muốn nuôi con và cháu Đ mong muốn ở với ông M nên giao cháu Đ cho ông M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Riêng cháu B1 đã đủ tuổi trưởng thành nên Tòa không xét. Về cấp dưỡng: ông M không yêu cầu nên Tòa không xét.

[2].3 Về tài sản chung và nợ chung: Bà T1 và ông M tự thỏa thuận tài sản chung, về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Bà T1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí Bà T1 đã nộp được khấu trừ vào án phí.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 BLTTDS; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hồ Thị Kim T1 ly hôn với ông **Nguyễn Ngọc M.**

[2] Về quan hệ nuôi con chung: Giữa Bà T1 và ông M có 02 con chung tên là Nguyễn Quốc B1, sinh ngày 08/6/2005, Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 26/9/2010, hiện các con đang ở cùng ông M. Giao cháu Đ cho ông M tiếp tục nuôi dưỡng, riêng cháu B1 đã trưởng thành nên Tòa không xét. Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa không xét. Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như tiền cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Tòa không xét.

[4] Về án phí DSST: Buộc Bà T1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, để sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí Bà T1 đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0003137, ngày 09/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ vào tiền án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 20/6/2025). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng KTNV -TAND tỉnh BD;
- UBND xã H
- (số 81 Ngày 15/9/2006)
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Bích Thủy

